

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 252/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 09 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư
vào tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

| | | |
|----------------|---------|------|
| ĐẾN | Số..... | 1810 |
| Ngày. 4/3/2018 | | |

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 17/TTr-SKHĐT ngày 07 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Danh mục dự án thu hút đầu tư vào tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020*”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh có hiệu quả; định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục dự án thu hút đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đăng tải nội dung của Quyết định này lên các phương tiện thông tin đại chúng.

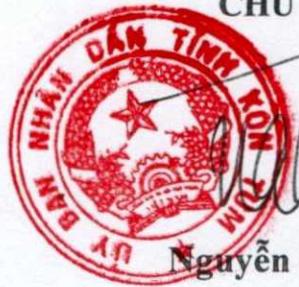
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan lựa chọn và xây dựng biểu mô tả một số dự án trọng điểm ưu tiên thu hút đầu tư để phục vụ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư.

Điều 3. Giám đốc Sở kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này thay thế Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP_HĐQT, các phòng;
- Lưu: VT, HTKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa



DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tên dự án | Mục tiêu | Địa điểm đầu tư | Quy mô / công suất | Vốn đầu tư (ty đồng) | Ghi chú |
|----|---|--|-----------------|-----------------------|----------------------|--|
| A | DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH KON TUM | | | | 78.170 | |
| I | LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP | | | | 9.250 | |
| 1 | Dự án thuê rừng đầu tư trồng, chế biến các sản phẩm sâm Ngọc Linh | Thuê rừng để quản lý bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp trồng, chế biến các sản phẩm sâm Ngọc Linh | H. Tu Mơ Rông | 1000 ha | 2.000 | Quy hoạch phát triển Sâm Ngọc Linh tỉnh Kon Tum đến năm 2025 |
| 2 | Dự án trồng và chế biến Hồng đằng sâm, sâm Đương quy tại huyện Tu Mơ Rông | Đầu tư phát triển vùng dược liệu Hồng đằng sâm, sâm Đương quy tập trung gắn với chế biến và liên kết chuỗi giá trị | H. Tu Mơ Rông | 1000 ha | 500 | Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 3 | Dự án trồng và chế biến Hồng đằng sâm, sâm Đương quy tại huyện Đăk Glei | Đầu tư phát triển vùng dược liệu Hồng đằng sâm, sâm Đương quy tập trung gắn với chế biến và liên kết chuỗi giá trị | H. Đăk Glei | 1000 ha | 500 | Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 4 | Dự án trồng và chế biến Hồng đằng sâm, sâm Đương quy tại huyện Kon Plông | Đầu tư phát triển vùng dược liệu Hồng đằng sâm, sâm Đương quy tập trung gắn với chế biến và liên kết chuỗi giá trị | H. Kon PLông | 1000 ha | 500 | Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 5 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Kon Tum | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | TP. Kon Tum | 200 ha | 400 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 6 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đăk Hà | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Đăk Hà | 100 ha | 200 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 7 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn tập trung kỹ thuật cao Kon Tum | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn kỹ thuật cao gắn với chế biến các sản phẩm từ thịt lợn | TP. Kon Tum | 200.000 con 200 ha | 1.000 | |
| 8 | Dự án Tổ hợp trang trại chăn nuôi tập trung công nghiệp sạch Đăk Hà | Xây dựng Tổ hợp trang trại nuôi lợn thịt, lợn nái, lợn giống; Nhà máy giết mổ, chế biến thịt lợn; Nhà máy chế biến thức ăn | H. Đăk Hà | 50.000 con 100 ha | 650 | |
| 9 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn tập trung kỹ thuật cao Ia HD'Rai | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn kỹ thuật cao gắn với chế biến các sản phẩm từ thịt lợn | H. Ia H'Drai | 200.000 con 200 ha | 1.000 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|------------------------|---------------|--|
| 10 | Dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao Ia H'Drai | Xây dựng trang trại chăn nuôi bò thịt tập trung kỹ thuật cao, gắn với chế biến thực phẩm | H. Ia H'Drai | 40.000 con 1.000 ha | 2.000 | |
| 11 | Dự án trồng rừng nguyên liệu sản xuất gắn với chế biến | Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng; xây dựng Nhà máy sản xuất các loại ván, gỗ công nghệ cao | H. Kon Rẫy, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy | 5000 ha | 500 | Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững tỉnh Kon Tum |
| II LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP | | | | | 46.900 | |
| 1 | Nhà máy điện mặt trời Tân Cảnh | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Tân Cảnh, H. Đăk Tô | 110 MW 176 ha | 2.310 | |
| 2 | Nhà máy điện mặt trời Ia Toi 1 | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Ia Toi, H. Ia H'Drai | 330 MW 500 ha | 7.260 | |
| 3 | Nhà máy điện mặt trời Ia Toi 2 | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Ia Toi, H. Ia H'Drai | 210 MW 320 ha | 4.830 | |
| 4 | Nhà máy điện mặt trời Ia Toi 3 | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Ia Toi, H. Ia H'Drai | 450 MW 680 ha | 9.900 | |
| 5 | Nhà máy điện mặt trời Ia Toi 4 | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Ia Toi, H. Ia H'Drai | 250 MW 400 ha | 6.000 | |
| 6 | Nhà máy điện mặt trời Sạc Ly | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Sa Nghĩa, H. Sa Thầy | 75 MW 120 ha | 1.800 | |
| 7 | Nhà máy điện mặt trời Đăk Ruồng | Sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng mặt trời để bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Đăk Ruồng, H. Kon Rẫy | 300 MW 592 ha | 6.900 | |
| 8 | Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bờ Y, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y | Xây dựng mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, tạo một khu công nghiệp tập trung, hiện đại và đồng bộ | Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y | 794 ha | 7.900 | Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y |
| III LĨNH VỰC VĂN PHÒNG - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ- DU LỊCH | | | | | 7.350 | |
| 1 | Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp sân golf | Xây dựng quần thể sân Golf kết hợp với xây dựng khu đô thị - du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và các dịch vụ đi kèm dọc tuyến tránh phía Đông thành phố Kon Tum | Xã Đăk Rơ Wa, TP. Kon Tum | 380 ha | 1.000 | Quy hoạch chung thành phố Kon Tum đến năm 2030 |



| | | | | | | |
|----|--|---|---|----------|-------|--|
| 2 | Sân golf kết hợp du lịch sinh thái nghỉ dưỡng | Xây dựng sân Golf kết hợp du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và các dịch vụ đi kèm để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước | H. Kon Plông | 100 ha | 1.000 | Quy hoạch xây dựng Vùng du lịch sinh thái Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 |
| 3 | Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven sông Đăk Bla - Phường Lê Lợi | Phục vụ tham quan, nghỉ dưỡng cho khách trong và ngoài nước | Lô đất RS, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum | 17,3 ha | 380 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Nam sông Đăk Bla, thành phố Kon Tum |
| 4 | Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven sông Đăk Bla - Xã Chư Hreng | Phục vụ tham quan, nghỉ dưỡng cho khách trong và ngoài nước | Các lô đất ký hiệu VCGT1 - VCGT7, xã Chư Hreng, TP. Kon Tum | 50 ha | 1.100 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |
| 5 | Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bungalow | Tạo ra hệ thống các cơ sở lưu trú và các sản phẩm dịch vụ du lịch mới phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, ngắm cảnh sông Đăk Bla | Xã Chư Hreng, xã Đăk Rơ Wa, TP. Kon Tum | 15 ha | 100 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |
| 6 | Khu du lịch sinh thái rừng Đặc dụng Đăk Uy | Thuê rừng kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp nghiên cứu khoa học thực nghiệm | H. Đăk Hà | 542,4 ha | 200 | Đề án phát triển du lịch tỉnh Kon Tum |
| 7 | Dự án sinh thái bán ngập lụt trên sông Đăk Bla | Khai thác lợi thế dòng sông Đăk La, tạo ra một điểm du lịch hấp dẫn để thu hút khách du lịch đến với thành phố Kon Tum nói riêng và tỉnh Kon Tum nói chung | TP. Kon Tum | 50 ha | 100 | |
| 8 | Khu du lịch sinh thái - lòng hồ Ia Chim | Xây dựng hạ tầng kinh doanh du lịch sinh thái gắn với lòng hồ thủy điện Ya Ly | Xã Ia Chim, TP. Kon Tum | 200 ha | 100 | |
| 9 | Dự án du lịch sinh thái Thác Pa Sỹ và Thác Lô Ba | Khai thác lợi thế về địa hình và cảnh quan để phát triển du lịch sinh thái phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của người dân địa phương và các tỉnh lân cận | Xã Đăk Long, H. Kon Plông | 100 ha | 100 | Quy hoạch xây dựng Vùng du lịch sinh thái Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 |
| 10 | Khách sạn 5 sao ven sông Đăk Bla 1 | Đầu tư cơ sở vật chất về dịch vụ khách sạn, nhà hàng. Đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách về ăn, nghỉ, vui chơi giải trí chất lượng cao | Lô đất DVCC2, P. Thống nhất, TP. Kon Tum | 1,8 ha | 300 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |
| 11 | Khách sạn 5 sao ven sông Đăk Bla 2 | Đầu tư cơ sở vật chất về dịch vụ khách sạn, nhà hàng. Đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách về ăn, nghỉ, vui chơi giải trí chất lượng cao | Lô đất DVCC3, P. Thống Nhất, TP. Kon Tum | 1,77 ha | 300 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |

| | | | | | | |
|----|--|--|---|---------------------------------|-----|--|
| 12 | Khách sạn kết hợp trung tâm hội nghị | Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn ven sông Đăk Bla, kết hợp dịch vụ hội nghị - sự kiện | Lô đất DVKS1, P. Thống Nhất, TP. Kon Tum | 2,25 ha | 810 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |
| 13 | Trung tâm thương mại kết hợp nhà phố - chợ | Phát triển trung tâm thương mại tại cửa ngõ phía Nam thành phố đủ năng lực đáp ứng nhu cầu kinh doanh, mua sắm và các sinh hoạt của nhân dân khu đô thị mới, kết hợp khu nhà ở | Khu vực HTX cơ khí 1-5 (cũ), P. Lê Lợi, TP. Kon Tum | 10,9 ha | 100 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Nam sông Đăk Bla, thành phố Kon Tum |
| 14 | Trung tâm thương mại kết hợp nhà phố - Đường Bà Triệu - Thành phố Kon Tum | Chỉnh trang đô thị, phát triển trung tâm thương mại tại trung tâm thành phố, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, mua sắm và các sinh hoạt của nhân dân trong khu vực, kết hợp khu nhà ở | Đất trụ sở Sở GTVT, Cty 79, Cty CP TVXD Giao thông... TP. Kon Tum | 1,8 ha | 200 | Điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng các phường Quang Trung, Quyết Thắng, Thống nhất, Thắng Lợi, thành phố Kon Tum |
| 15 | Tổ hợp thương mại - dịch vụ - nhà phố kết hợp vui chơi giải trí thanh thiếu nhi - Đường Trường Chinh | Xây dựng khu thương mại - dịch vụ; phát triển các khu nhà phố đô thị; xây dựng vui vui chơi giải trí thanh thiếu nhi | Khu đất Trung đoàn 66 (cũ), P. Trường Chinh, TP. Kon Tum | 19 ha | 500 | - |
| 16 | Các khu Dịch vụ văn phòng | Xây dựng trụ sở của các ngân hàng hoạt động trên địa bàn tỉnh; đầu tư kinh doanh dịch vụ văn phòng cho thuê; tạo bộ mặt khang trang, hiện đại cho Khu trung tâm hành chính phía Bắc của tỉnh | Phường Thắng Lợi, TP. Kon Tum | Quy mô 5-7 tầng, Tổng DT 3,57ha | 700 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |
| - | Dịch vụ văn phòng 1 | | Lô đất ký hiệu DVCC9 | 0,77 ha | 150 | |
| - | Dịch vụ văn phòng 2 | | Lô đất ký hiệu DVCC10 | 0,79 ha | 150 | |
| - | Dịch vụ văn phòng 3 | | Lô đất ký hiệu DVCC11 | 0,47 ha | 100 | |
| - | Dịch vụ văn phòng 4 | | Lô đất ký hiệu DVCC12 | 0,83 ha | 150 | |
| - | Dịch vụ văn phòng 5 | | Lô đất ký hiệu DVCC13 | 0,71 ha | 150 | |
| 17 | Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ cửa khẩu quốc tế Bờ Y | Khai thác tiềm năng quỹ đất để phát triển Logistics, kho bãi, dịch vụ tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Kế thừa và phát triển những mặt tích cực của các cơ sở kinh tế kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội đã và đang thực hiện. | Khu I, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y | 12 ha | 360 | Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Quy hoạch PT hệ thống TT logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu I, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y |

| IV | LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ | | | 14.670 | | |
|-----------|--|---|--|---------------|-------|---|
| 1 | Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu đô thị Bắc Bờ Y và hạ tầng Khu đô thị Nam Bờ Y | Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển thành đô thị loại II vùng biên giới, nhằm khai thác có hiệu quả các điều kiện về địa lý - chính trị - kinh tế - xã hội | Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y | 1000 ha | 8.000 | Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y |
| 2 | Khu đô thị sinh thái - du lịch gắn với công viên phía Bắc Kon Tum | Hình thành trung tâm công cộng, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Bắc thành phố Kon Tum, công viên sinh thái nghỉ ngơi cấp đô thị; cải tạo chỉnh trang và phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới (khu vực đường Võ Nguyên Giáp, xã Vinh Quang và xã Đăk Căm, thành phố Kon Tum) | TP. Kon Tum | 330 ha | 950 | Quy hoạch phân khu khu vực Công viên phía Bắc thành phố Kon Tum |
| 3 | Khu đô thị mới số 1 Đông Bắc dọc tuyến tránh đường HCM | Xây dựng khu đô thị mới tại khu vực phía Đông Bắc thành phố nhằm giảm áp lực về mật độ dân số tập trung ở trung tâm thành phố và phục vụ công tác di dời giải toả dân ở các vùng quy hoạch của thành phố | Phường Ngô Mây, xã Đăk Căm, TP. Kon Tum | 500 ha | 3.000 | Vị trí tại nút giao đường Hồ Chí Minh và đường tránh phía Đông thành phố Kon Tum |
| 4 | Khu dân cư mới số 2 dọc tuyến tránh đường HCM | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Xã Đăk Rơ Wa, TP. Kon Tum | 100 ha | 600 | Vị trí tại xã Đăk Rơ Wa, gần Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp sân golf |
| 5 | Khu dân cư mới số 3 dọc tuyến tránh đường HCM | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Xã Hòa Bình, TP. Kon Tum | 100 ha | 600 | Vị trí tại Khu vực giãn dân, đường tránh phía Đông thành phố Kon Tum |
| 6 | Khu đô thị sinh thái Tây phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum | Chỉnh trang đô thị; xây dựng khu đô thị cao cấp ven sông Đăk Bla (phía Bắc Ngục Kon Tum) | Phường Quyết Thắng, Quang Trung, TP. Kon Tum | 150 ha | 1.000 | Quy hoạch chung thành phố Kon Tum đến năm 2030 |
| 7 | Khu đô thị mới phía Nam ven sông Đăk Bla | Xây dựng khu đô thị kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng cao cấp | Xã Chư Hreng, TP. Kon Tum | 30 ha | 240 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum |
| 8 | Dự án khai thác quỹ đất 01 tuyến đường nối HCM đi QL24 | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Tổ 4, P. Trần Hưng Đạo, TP. Kon Tum | 19 ha | 150 | |

| | | | | | | |
|----------|--|--|---|---------------------|--------------|--|
| 9 | Dự án khai thác quỹ đất 02 tuyến đường nối HCM đi QL24 | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Thôn Đăk Prông, xã Chư Hreng, TP. Kon Tum | 16 ha | 130 | |
| B | DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH KON TUM | | | | 6.561 | |
| I | LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP | | | | 1.670 | |
| 1 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đăk Tô | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Đăk Tô | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 2 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Tu Mơ Rông | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Tu Mơ Rông | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 3 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đăk Glei | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Đăk Glei | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 4 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Ngọc Hồi | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Ngọc Hồi | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 5 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Kon Rẫy | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Kon Rẫy | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 6 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sa Thầy | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Sa Thầy | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 7 | Dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Ia H'Drai | Đầu tư CSHT kỹ thuật, trực tiếp sản xuất hoặc cho thuê lại đất, CSHT sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | H. Ia H'Dai | 50-100 ha | 100 | Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 8 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung Ngọc Hồi | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung | H. Ngọc Hồi | 10.000 con 50 ha | 100 | |
| 9 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung Kon Rẫy | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung | H. Kon Rẫy | 10.000 con 50 ha | 100 | |
| 10 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung Đăk Tô | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung | H. Đăk Tô | 10.000 con 50 ha | 100 | |
| 11 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung Đăk Glei | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung | H. Đăk Glei | 10.000 con 50 ha | 100 | |



| | | | | | | |
|--------------------------------|---|---|--|---------------------|--------------|--|
| 12 | Dự án Trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung Tu Mơ Rông | Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn gia công tập trung | H. Tu Mơ Rông | 10.000 con 50 ha | 100 | |
| 13 | Dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản nước ngọt tập trung gắn với chế biến Đăk Hà | Nuôi các loại cá nước ngọt tập trung kỹ thuật cao; xây dựng nhà máy chế biến thủy sản | H. Đăk Hà | 50 ha | 100 | |
| 14 | Dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản nước ngọt tập trung gắn với chế biến Sa Thầy | Nuôi các loại cá nước ngọt tập trung kỹ thuật cao; xây dựng nhà máy chế biến thủy sản | H. Sa Thầy | 50 ha | 100 | |
| 15 | Sản xuất hạt giống cây trồng ôn đới | - Xây dựng khu chọn tạo, lai tạo giống; hệ thống sán phơi, kho bảo quản, đóng gói sản phẩm. - Cung cấp hạt giống cây ôn đới đảm bảo chất lượng, mang tính đặc trưng, năng suất cao, phẩm chất tốt | Khu nông nghiệp UDCNC Măng Đen, H. Kon Plông | 10 ha | 120 | |
| 16 | Đầu tư xây dựng vùng sản xuất rau, củ, quả ôn đới ứng dụng công nghệ cao | - Xây dựng hệ thống nhà màng thông minh. - Tổ chức sản xuất các loại rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao. - Xây dựng khu đóng gói, kho lạnh bảo quản các sản phẩm rau, củ, quả ôn đới. - Cung cấp các sản phẩm rau, củ, quả công nghệ cao tiêu chuẩn VietGap phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. | Khu nông nghiệp UDCNC Măng Đen, H. Kon Plông | 30 ha | 150 | |
| II LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP | | | | | 2.770 | |
| 1 | Xây dựng Nhà máy chế biến rau, củ, quả tại Kon Plông | Khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ; góp phần tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân | H. Kon Plông | 10 ha | 250 | |
| 2 | Xây dựng Nhà máy chế biến rau, củ, quả tại Kon Tum | Khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ; góp phần tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân | TP. Kon Tum | 10 ha | 250 | |
| 3 | Chăn nuôi tập trung và chế biến súc sản - Huyện Ia H'Drai | Chăn nuôi, chế biến súc sản thương phẩm để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu | H. Ia H'Drai | 20 ha | 200 | |
| 4 | Chăn nuôi tập trung và chế biến súc sản - Huyện Kon Plông | Chăn nuôi, chế biến súc sản thương phẩm để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu | H. Kon Plông | 20 ha | 200 | |

| | | | | | | |
|----|--|--|----------------------------|-----------------------------|-----|---|
| 5 | Nhà máy tinh chế nghệ vàng (curcumin) | Khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ; góp phần tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân | H. Ia H'Drai | 50 tấn/năm | 30 | Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công Thương tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025 |
| 6 | Nhà máy chế biến dược liệu (hồng đắng sâm, sâm đương quy) | Nâng cao giá trị, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh | H. Kon Plông | 100 tấn củ tươi/năm | 50 | |
| 7 | Nhà máy chế biến dược liệu (sâm ngọc linh, hồng đắng sâm, sâm đương quy) | Nâng cao giá trị, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh | H. Đăk Tô | 50 tấn nguyên liệu tươi/năm | 30 | |
| 8 | Nhà máy chế biến nước hoa quả (chanh dây) | Khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ; góp phần tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân | H. Đăk Hà | 40.000 tấn nguyên liệu/năm | 30 | |
| 9 | Nhà máy chế biến các sản phẩm từ dược liệu | Nâng cao giá trị, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh | H. Đăk Hà | 60 tấn nguyên liệu tươi/năm | 30 | |
| 10 | Thu hút đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp phía Tây Đăk Tô | Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở các hạng mục như: san ủi mặt bằng, hệ thống thoát nước, hệ thống điện, giếng nước, đường nội bộ, đường vào cụm, cổng, cây xanh ... | Thị trấn Đăk Tô, H. Đăk Tô | 50 ha | 150 | |
| 11 | Thu hút đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp Kon Plông | đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở các hạng mục như: san ủi mặt bằng, hệ thống thoát nước, hệ thống điện, giếng nước, đường nội bộ, đường vào cụm, cổng, cây xanh ... | Xã Đăk Long, H. Kon Plông | 20 ha | 60 | |
| 12 | Thu hút đầu tư hạ tầng mở rộng Cụm công nghiệp Đăk La | Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng mở rộng CCN từ 50 ha lên 70 ha với các hạng mục như: san ủi mặt bằng, hệ thống thoát nước, đường nội bộ,hệ thống xử lí nước thải | Xã Đăk La, H. Đăk Hà | 70 ha | 90 | |
| 13 | Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Đăk Hà | Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh | H. Đăk Hà | 100 - 1.000 tấn/ng.đ | 100 | Tiêu chí thứ 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới |
| 14 | Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Ngọc Hồi | Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh | H. Ngọc Hồi | 100 - 1.000 tấn/ng.đ | 100 | Tiêu chí thứ 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới |

| | | | | | | |
|---|--|--|---------------------------------------|-------------------|------------|--|
| 15 | Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải nguy hại | Thu gom, xử lý triệt để lượng rác thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh | Khu công nghiệp Sao Mai, TP. Kon Tum | 10 - 150 tấn/ng.đ | 120 | |
| 16 | Nhà máy chế biến dược phẩm | Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm dược liệu trên địa bàn, chế biến sâu các sản phẩm dược liệu quý để nâng cao giá trị sản phẩm, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu | TP. Kon Tum | 50 triệu/sp | 70 | |
| 17 | Dự án nhà máy sản xuất hữu cơ vi sinh | Chế biến phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ khoáng đa vi lượng; tái tạo lại độ phì nhiêu cho đất, chống thoái hóa đất canh tác, giảm lượng phân bón hóa học cho cây trồng, bảo đảm phát triển môi trường bền vững | P. Ngô Mây, TP. Kon Tum | 1 ha | 10 | |
| 18 | Các dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Hòa Bình (giai đoạn 2) | Thu hút các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp Hòa Bình (giai đoạn 2) bao gồm các lĩnh vực: Chế biến nông lâm sản, hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu và nhóm ngành công nghiệp khác ít gây ô nhiễm môi trường | Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum | 70 ha | 1.000 | Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Hoa Bình (giai đoạn 2), phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum |
| III LĨNH VỰC VĂN PHÒNG - THƯƠNG MAI - DỊCH VỤ- DU LỊCH | | | | | 804 | |
| 1 | Mở rộng, cải tạo nâng cấp gắn với phương án bố trí, sắp xếp lại trung tâm thương mại thành phố Kon Tum | Chỉnh trang đô thị, góp phần hoàn chỉnh và làm đẹp không gian kiến trúc đô thị của thành phố Kon Tum | Tổ 4, Phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum | 1,5 ha | 100 | Điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng các phường Quang Trung, Quyết Thắng, Thống nhất, Thắng Lợi, thành phố Kon Tum |
| 2 | Trung tâm hội chợ triển lãm | Nơi diễn ra các hoạt động triển lãm, giao lưu và tổ chức những sự kiện quy mô lớn tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho thành phố Kon Tum | Phường Trường Chinh, TP. Kon Tum | 0,9 ha | 40 | |
| 3 | Siêu thị cao cấp | Nhằm tạo ra một nơi mua sắm tin cậy, hiện đại không chỉ cho cư dân thành phố mà còn là điểm đến hấp dẫn của người tiêu dùng toàn tỉnh, với các mặt hàng phong phú về chủng loại, thương hiệu và đảm bảo về chất lượng | Khu đô thị phía nam cầu Đăk Bla | 2 ha | 100 | |

| | | | | | | |
|----|--|--|--|---------------------|----|--|
| 4 | Siêu thị trung tâm huyện Ngọc Hồi | Phục vụ nhu cầu mua sắm của nhân dân | H. Ngọc Hồi | 0,5 ha | 30 | |
| 5 | Chợ biên giới, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y | Phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa với khoảng 320 điểm kinh doanh | Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y | 320 điểm kinh doanh | 16 | Quyết định số 806/QĐ-UBND, ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh |
| 6 | Chợ đầu mối | Kết nối sản xuất với phân phối và tiêu dùng nông sản; đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm; thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ | TP. Kon Tum | 0,3 ha | 10 | |
| 7 | Chợ Trung tâm huyện Ia HDrai | Phục vụ nhu cầu mua sắm của nhân dân và kinh doanh của tiểu thương; hạng III | H. Ia HDrai | 0,15 ha | 4 | |
| 8 | Chợ Trung tâm huyện Tu Mơ Rông | Phục vụ nhu cầu mua sắm của nhân dân và kinh doanh của tiểu thương; hạng III | H. Tu Mơ Rông | 0,15 ha | 4 | |
| 9 | Rạp chiếu bóng (Thay rạp 17/3) | Đáp ứng nhu cầu giải trí của người dân địa phương và khách du lịch | Phường Trường chinh, TP. Kon Tum | 0,2 ha | 20 | |
| 10 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch cộng đồng làng Kon K'Tu, Đăk Rơ Wa | Xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa, cảnh quan, môi trường truyền thống của các đồng bào dân tộc Bana; Hình thành điểm du lịch văn hóa cộng đồng với định hướng của tỉnh, của thành phố Kon Tum. | Làng Kon K'Tu, xã Đăk Rơ Wa, TP. Kon Tum | 17 ha | 10 | |
| 11 | Làng nghề truyền thống gắn với du lịch văn hóa Kon Klor | Xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm bảo tồn và phát triển nghề truyền thống kết hợp khai thác du lịch tại khu vực | Lô đất ký hiệu KVH, đường Bắc Kạn, P. Thắng Lợi, TP. Kon Tum | 12,2 ha | 60 | Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Bắc sông Đăk Bla, thành phố Kon Tum |
| 12 | Cải tạo Công viên 2-9 gắn với dịch vụ vui chơi giải trí và ẩm thực | Cải tạo Công viên 2-9 và kết hợp xây dựng khu vui chơi giải trí, ẩm thực đồng bộ | Công viên 2-9, đường Phan Chu Trinh, P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum | 3 ha | 30 | Điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng các phường Quang Trung, Quyết Thắng, Thống nhất, Thắng Lợi, thành phố Kon Tum |
| 13 | Dự án du lịch sinh thái vườn quốc gia Chư Mom Ray | Nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng gắn với việc khai thác tiềm năng môi trường sinh thái tự nhiên của rừng đặc dụng một cách hợp lý để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái | H. Sa Thầy | 54.000 ha | 50 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|--|-------------------|--------------|--|
| 14 | Dự án chinh phục đỉnh Ngọc Linh | Du lịch khám phá dãy núi Ngọc Linh - khối núi cao nhất miền Nam và giá trị bảo tồn đa dạng sinh học của Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh | H. Tu Mơ Rông | 34.000 ha | 50 | |
| 15 | Bệnh viện chất lượng cao | Khám và chữa bệnh | TP. Kon Tum | 5 ha | 100 | |
| 16 | Trường học chất lượng cao phường Ngô Mây | Xây dựng cơ sở giáo dục chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia | Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum | 2 ha | 100 | |
| 17 | Trường học chất lượng cao phường Trường Chinh | Xây dựng cơ sở giáo dục chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia | Phường Trường Chinh, TP. Kon Tum | 3 ha | 80 | |
| IV LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ | | | | | 1.317 | |
| 1 | Hệ thống bến, bãi đỗ xe | Đáp ứng nhu cầu đi lại của địa phương, khách du lịch, nhà đầu tư | TP. Kon Tum | | 75 | |
| - | Bến, bãi đỗ xe P. Trần Hưng Đạo | | P. THĐ | 14 ha | 25 | |
| - | Bến, bãi đỗ xe phường Ngô Mây | | P. Ngô Mây | 5,8 ha | 25 | |
| - | Bến, bãi đỗ xe xã Đăk Blà | | Xã Đăk Blà | 5,2 ha | 25 | |
| 2 | Nhà máy nước sạch trên địa bàn huyện Đăk Glei | Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khoảng 1.300 dân | Trung tâm H. Đăk Glei | Phục vụ 1.300 dân | 35 | |
| 3 | Dự án khai thác quỹ đất đường Trần Nhân Tông | Chỉnh trang đô thị thành phố Kon Tum | Đoạn Lê Hồng Phong - Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum | 0,8 ha | 10 | |
| 4 | Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Khu tập thể đường Trần Cao Vân | Chỉnh trang đô thị thành phố Kon Tum | Khu tập thể đg. Trần Cao Vân, P. Thống Nhất, TP. Kon Tum | 0,9 ha | 10 | |
| 5 | Khu dân cư Đường Ba Đình và đường quy hoạch tổ 7, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum | Chỉnh trang đô thị thành phố Kon Tum | Tổ 7, P. Thắng Lợi, TP. Kon Tum | 0,8 ha | 10 | |
| 6 | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu vực giáp ranh Khu dân cư phía Tây Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Phường Duy Tân, TP. Kon Tum | 30,6 ha | 240 | |
| 7 | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bla | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | P. Thắng Lợi, xã Chư Hreng, TP. Kon Tum | 21,4 ha | 130 | |

| | | | | | | |
|----|--|--|--|-----------------|-----|--|
| 8 | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla (Từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Văn Linh) | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Phường Nguyễn Trãi, xã Vinh Quang, TP. Kon Tum | 54 ha | 300 | |
| 9 | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Dự án đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum | 3,7 ha | 24 | |
| 10 | Các dự án khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24, xã Đăk Blà | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Xã Đăk Blà, TP. Kon Tum | Tổng DT 15,4 ha | 103 | |
| - | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24 - thôn Kon Tu 2 | | Thôn Kon Tu 2 | 1,4 ha | 12 | |
| - | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24 tại thôn Kon Rơ Lang | | Thôn Kon Rơ Lang (03 vị trí) | 1,4 ha | 12 | |
| - | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24 tại thôn Kon Re Plong | | Thôn Kon Re Plong | 1,4 ha | 12 | |
| - | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24 tại thôn Kon Jơ Drech | | Thôn Kon Jơ Drech | 1,3 ha | 12 | |
| - | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24 tại thôn Kon Gur | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Thôn Kon Gur | 0,6 ha | 10 | |
| - | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến Quốc lộ 24 tại thôn Đăk Hưng | | Thôn Đăk Hưng | 9,3 ha | 45 | |
| 11 | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh tại phường Ngô Mây | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, TP. Kon Tum | 38 ha | 350 | |
| 12 | Khai thác quỹ đất đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh tại xã Hòa Bình | Phát triển, mở rộng các khu dân cư hiện trạng và mới | Thôn 2, xã Hòa Bình, TP. Kon Tum | 3,6 ha | 30 | |